

STUDYING THE PRAGMATICAL CHARACTERISTICS OF ASKING FOR AND GIVING PERMISSION IN ENGLISH AND VIETNAMESE

NGHIÊN CỨU CÁC ĐẶC ĐIỂM NGỮ DỤNG CỦA HÀNH VI XIN PHÉP VÀ HỒI ĐÁP TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Mai Hoa
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *Investigating the behavior of asking for and giving permission on the pragmatic level, from a social linguistic perspective, that is the social stratification in using language in gender, age, occupation, social status... These social norms have a great influence on the manner in which asking for permission and giving permission is performed, depending on the social relationship, that Vietnamese and native speakers have strategies for applying different strategies of asking and giving permission. The research has analyzed the use of methods of expressing the strategies of asking and giving permission in English with social relationships such as fathers, mothers - children, friends, teachers - students, leaders - workers. With different social relationships, different communication roles, and different communication environments have different strategies of asking for and giving permission*

Keywords: *Pragmatics, the act of asking for and giving permission, English, Vietnamese.*

TÓM TẮT: *Khảo sát hành vi xin phép và hồi đáp trên bình diện ngữ dụng học, từ góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội, đó chính là sự phân tầng xã hội trong sử dụng ngôn ngữ ở giới, độ tuổi, nghề nghiệp, vị thế xã hội... Các chuẩn mực xã hội này có ảnh hưởng rất lớn đến cách thức thực hiện hành vi xin phép và hồi đáp, tùy vào từng mối quan hệ mà người Việt Nam và người bản ngữ có các chiến lược thực hiện các hành vi xin phép và hồi đáp khác nhau. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp, so sánh để phân tích được cách sử dụng các phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh với các mối quan hệ xã hội như bố, mẹ - con cái, bạn bè, thầy - trò, thủ trưởng - nhân viên. Với những mối quan hệ xã hội khác nhau, những vai giao tiếp khác nhau và những môi trường giao tiếp khác nhau có những phương thức thực hiện hành vi xin phép và hồi đáp khác nhau.*

Từ khóa: *Ngữ dụng, hành vi xin phép và hồi đáp, tiếng Anh, tiếng Việt.*

1. MỞ ĐẦU

1.1 Lý thuyết hành vi ngôn ngữ

1.1.1. Khái niệm hành vi ngôn ngữ

Các nhà Ngôn ngữ học trên thế giới đưa ra nhiều khái niệm khác nhau về hành vi ngôn ngữ. Theo quan điểm của

Vanderveken (1990) trong “*Meaning and Speech Acts*”, hành vi ngôn ngữ là “By uttering sentences in the contexts of use of natural languages, speakers attempt to perform illocutionary acts such as statements, questions, declarations,

requests, promises, apologies, orders, offers and refusals.” [13, 7], tạm dịch là “bằng cách phát ngôn các câu trong các ngôn ngữ tự nhiên, người nói cố gắng để thực hiện các hành vi ở lời như tường thuật, hỏi, tuyên bố, yêu cầu, mệnh lệnh, hứa, xin lỗi, cho tặng và từ chối.”

Tóm lại, hành vi ngôn ngữ là các phát ngôn được thực hiện để phục vụ cho các chức năng giao tiếp. Chúng ta thực hiện một hành vi ngôn ngữ khi chúng ta muốn đưa ra một lời xin lỗi, một lời chào, một lời mời, một lời xin phép, hay một lời phản nản... Hành vi ngôn ngữ có thể chỉ được thể hiện bằng một từ như “*Sorry!*” để chỉ hành vi xin lỗi, có thể là một phát ngôn như “*We're having some people over Saturday evening and wanted to know if you'd like to join us.*” thể hiện hành vi mời, hay “*Could I use your cell phone?*” để thể hiện hành vi xin phép.

Hành vi ngôn ngữ có vai trò rất lớn trong xã hội, nó có thể có khả năng làm thay đổi trạng thái, tâm lý, hành động và suy nghĩ của người nghe, thậm chí của cả người nói.

1.1.2. Khái niệm hành vi xin phép

Theo từ điển *Oxford Advanced Learner's Dictionary* (2000), động từ “*xin phép*” được định nghĩa như sau; *hành động xin phép của ai đó để được làm một việc gì, đặc biệt với những người có quyền lực xã hội.*

Soehartono & Sianne (2003) đã tìm ra chức năng chiếm ưu thế trong hành vi xin phép và kết luận: “*Chức năng của hành vi xin phép được theo sau bởi chức năng xin lỗi để thể hiện vị thế xã hội thấp hơn của người xin phép nhằm thuyết phục người có quyền lực cao hơn.*” [12, 133].

Theo Austin (1962) và Searle (1977),

hành vi xin phép thuộc loại hành vi thỉnh cầu trong nhóm *điều khiển* (Directives). Austin cho rằng nằm trong nhóm *điều khiển* là những hành vi mà người nói mong muốn được thực hiện một hành động trong tương lai. Theo định nghĩa và lý thuyết của Austin, hành vi xin phép là một hoạt động trong đó người phát ngôn các hành vi xin phép (SP1) và người tiếp nhận các hành vi xin phép, hỏi đáp là người nghe (SP2) có sự tác động lẫn nhau nhờ yếu tố ngôn ngữ theo những cách thức nhất định để đưa hành vi xin phép đạt đến hiệu quả cao nhất.

Như vậy, điểm thống nhất giữa Austin và Searle trong quan niệm về nhóm hành vi *điều khiển* (trong đó có hành vi xin phép) là người nói muốn người nghe cho phép họ thực hiện một hành vi trong tương lai.

Hành vi xin phép có cấu trúc được mô tả như sau:

- Vị từ trung tâm *xin/xin phép* có ba nhân tố: nhân tố thứ nhất là người nói (S), nhân tố thứ hai là người nghe (H), nhân tố thứ ba là người nghe cho phép người nói thực hiện hành động X. Từ đó, nhân tố thứ ba của *xin/xin phép/để* lại có cấu trúc nghĩa của một ngữ đoạn với vị từ trung tâm là *cho phép/cho/để* với ba nhân tố: nhân tố thứ nhất là người nghe (H), nhân tố thứ hai là người nói (S) và nhân tố thứ ba là S thực hiện X.

- Đến lượt mình nhân tố thứ ba của vị từ *cho phép/cho/để* có cấu trúc xoay quanh vị từ biểu đạt hành động mà người nói muốn xin phép làm.

Từ những phân tích trên, chúng tôi có thể đưa ra một định nghĩa về hành vi xin phép như sau: *Hành vi xin phép là một hành vi ngôn ngữ mà trong những ngữ cảnh nhất định, người nói đưa ra một phát ngôn nhằm thương lượng, ngỏ ý để người nghe đồng ý,*

cho phép người nói được thực hiện một hành động nào đó trong tương lai.

1.1.3. Khái niệm hỏi đáp

Chúng ta đã biết diễn ngôn là sản phẩm của các hành vi ngôn ngữ. Tất cả các hành vi ngôn ngữ đều đòi hỏi sự hỏi đáp. Tham thoại hỏi đáp là lượt lời phản hồi của người nghe SP2 sau khi tiếp nhận lượt lời dẫn nhập từ SP1 và tham thoại hỏi đáp (lượt lời phản hồi) này có một chức năng trong giao tiếp đó là chức năng ở lời.

“Chức năng ở lời hỏi đáp là chức năng ở lời của các tham thoại hỏi đáp lại chức năng ở lời dẫn nhập” [2, 330]. Chức năng hỏi đáp này thuộc các tham thoại hỏi đáp nói chung (bao gồm cả việc trả lời và chỉ rõ mức độ thỏa mãn mà tham thoại ở lời dẫn nhập đưa ra).

Theo tiêu chí này, có thể chia hỏi đáp thành hai nhóm:

- **Hỏi đáp tích cực** (khẳng định): là hỏi đáp thỏa mãn được đích của tham thoại dẫn nhập, thỏa mãn và đáp ứng được những nhu cầu của người nói trong tham thoại dẫn nhập. Có thể xem tham thoại xin phép dẫn nhập cùng tham thoại hỏi đáp tích cực này tạo thành một cặp thoại được ưa thích.

(1) Bà cho phép con ở lại với bé Mai tối nữa, sáng mai con về sớm.

Thôi được, con cất đồ vào đi. [5, 78]

Cặp thoại trong ví dụ (1) là cặp thoại cầu khiến của nhân vật A có đích ngôn trung là “Bà cho phép con ở lại với bé Mai tối nữa” và để khẳng định thêm về hành vi xin phép của mình, nhân vật A còn đưa ra một điều kiện như là để đảm bảo cho hành vi xin phép đó “sáng mai con về sớm”. Phát ngôn hỏi đáp của nhân vật B là một hỏi đáp tích cực trực tiếp, thỏa mãn được đích của hành vi xin phép của nhân vật A “Thôi được, con cất đồ vào đi.”

- **Hỏi đáp tiêu cực** (phủ định): là hỏi đáp đi ngược với đích của tham thoại dẫn nhập, không thỏa mãn và không đáp ứng được những yêu cầu của người nói trong tham thoại dẫn nhập. Nó cùng với tham thoại xin phép dẫn nhập tạo thành một cặp thoại không được ưa thích.

(2) *Cháu không dám xin ngủ, chỉ xin cụ cho cháu ngồi đây một lát.*

Không, tôi chỉ là người làm, phải hỏi bà chủ trong nhà mới được. [7, 158].

Trong cuộc hội thoại này, người nghe đã hỏi đáp hành vi xin phép của người nói “xin cụ cho cháu ngồi đây một lát” bằng cách đưa ra một lý do là “tôi chỉ là người làm” để từ chối lời xin phép của người nói. Như vậy, hỏi đáp của người nghe đã không đáp ứng được yêu cầu của người nói, hỏi đáp này được xem là hỏi đáp tiêu cực.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Các nét ngữ dụng liên quan đến hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh

2.1.1. Hành vi xin phép và hỏi đáp xét trong mối quan hệ bố, mẹ - con (môi trường gia đình)

(3) Jill: Dad, can I have the car tonight?

(Jill: Bố, con có thể dùng xe của bố tối nay được không?)

Jack: No, you can't. I need it.

(Jack: Không, con không thể. Bố cần nó.)

Jill: But I am taking Dave to see his grandmother in hospital!

(Jill: Nhưng con sẽ phải đưa Dave đi gặp bà của anh ấy trong bệnh viện.)

Jack: I told you. I need it.

(Jack: Bố đã nói là bố cần nó.)

Jill: Oh, please! He won't be able to go if I don't give him a lift.

(Jill: Bố, làm ơn đi mà! Cậu ấy sẽ

không thể đi nếu con không cho cậu ấy đi nhờ.)

Jack: All right. I suppose I can walk. The exercise will do me good.

(Jack: Thôi được, bố có thể đi bộ. Luyện tập thể dục sẽ làm cho bố khỏe hơn.)

Jill: Thanks a lot, Dad. I won't be back late. [11, 27]

Jill: Cám ơn bố, con sẽ trả lại cho bố sớm.)

Cuộc hội thoại trong ví dụ (3) xảy ra trong ngữ cảnh thân mật và mối quan hệ giữa người bố và người con. Cuộc thoại này có hành vi chủ hướng là xin phép nhưng lại bao gồm rất nhiều cặp thoại khác nhau. Cặp thoại (1) là hành vi xin phép của người con (Jill) và hồi đáp tiêu cực của người bố (Jack) “No, you can't. I need it.” Tuy nhiên, cuộc thoại không chỉ dừng lại ở đó, mà còn có nhiều cặp chêm xen “But I am taking Dave to see his grandmother in hospital!” nhằm giải thích, thuyết phục người nghe (bố) và người con đã nhận được hồi đáp tích cực từ người bố “All right. I suppose I can walk.”

Trong cuộc sống hàng ngày, có rất nhiều các hành vi xin phép và hồi đáp diễn ra trong các mối quan hệ trong gia đình, giữa bố, mẹ - con cái. Các hành vi xin phép được con cái trong gia đình thực hiện thường xuyên và phải có sự kính trọng, lễ phép với bố mẹ. Trong ngữ liệu mà nghiên cứu thu thập được, phần lớn các hành vi xin phép trong tiếng Anh được người con sử dụng theo phương thức biểu hiện gián tiếp với các trợ động từ tình thái “can”, “may”, “could” tạo thành các dạng thức nghi vấn khi thực hiện các hành vi xin phép với bố, mẹ.

(4) Ah, Dad, com on. Let me go.

Sorry, son, no is no. [14, 5]

2.1.2. Hành vi xin phép và hồi đáp xét trong

mối quan hệ bạn bè

(5) Hello, Rama. May I borrow your motorcycle?

Rama: Sorry, Bayu. Mine is being repaired. [11, 36]

(6) Frank: Can I put my stuff over here?

Cora: Oh, yes, of course. Put it anywhere you like.

Frank: Thank you. Do you mind if I open the window? It's a bit warm.

Cora: No, not at all. Go ahead.

Frank: Thanks and...is it OK to smoke?

Cora: I'm sorry. You can't smoke in the building. You have to go outside.

Frank: Oh, OK. [11, 63]

Cuộc thoại hay sự kiện lời nói xin phép trong ví dụ (6) với các tham thoại trung tâm có hành vi chủ hướng là xin phép. Cặp thoại thứ nhất gồm tham thoại dẫn nhập có hành vi chủ hướng là xin phép “Can I put my stuff over here?”, tham thoại hồi đáp có hành vi chủ hướng là trả lời, đây là tham thoại hồi đáp tích cực “Oh, yes, of course”. Cặp thoại thứ hai gồm tham thoại dẫn nhập có hành vi chủ hướng là xin phép “Do you mind if I open the window?” tham thoại hồi đáp có hành vi chủ hướng là trả lời, đây là tham thoại hồi đáp tích cực “No, not at all. Go ahead”. Cặp thoại thứ ba gồm tham thoại dẫn nhập có hành vi chủ hướng là xin phép “...is it OK to smoke?” tham thoại hồi đáp có hành vi chủ hướng là trả lời, đây là tham thoại hồi đáp tiêu cực gián tiếp “I'm sorry. You can't smoke in the building”.

Cuộc thoại xảy ra trong môi trường công sở giữa hai người bạn mới quen, do đó cả hai người đều sử dụng những phương thức biểu hiện hành vi xin phép và hồi đáp lịch sự, nhằm giữ thể diện và để duy trì cuộc

thoại giữa hai người.

Với quan hệ bạn bè, phương thức biểu hiện chủ yếu là phương thức xin phép gián tiếp với các trợ động từ tình thái “*can*”, “*could*”, “*may*”, “*Do you mind...?*”, hành vi hồi đáp chủ yếu là hồi đáp tích cực và tiêu cực trực tiếp, phương thức xin phép gián tiếp và hồi đáp tiêu cực gián tiếp cũng xuất hiện trong mỗi quan hệ này.

2.1.3. *Hành vi xin phép và hồi đáp xét trong mối quan hệ thầy - trò (môi trường trường học)*

(7) *Sir, could I leave the class? I have a stomachache.*

Yes, certainly. [9, 53]

Cuộc thoại hay sự kiện lời nói xin phép trong ví dụ (7) diễn ra trong ngữ cảnh của một lớp học, vị thế giao tiếp của người thầy rõ ràng là cao hơn người học sinh. Người học sinh đã sử dụng trợ động từ tình thái “*could*” khi thực hiện hành vi xin phép để nhằm tôn vinh thể diện và sự tôn trọng của mình đối với người thầy đồng thời để tăng tính thuyết phục của phát ngôn, người học sinh còn nêu thêm lý do “*I have a stomachache*” và nhận được sự hồi đáp tích cực từ người thầy “*Yes, certainly*”.

Phương thức biểu hiện hành vi xin phép chủ yếu trong mỗi quan hệ này là phương thức biểu hiện gián tiếp và hồi đáp tích cực và tiêu cực trực tiếp.

2.1.4. *Hành vi xin phép và hồi đáp xét trong mối quan hệ giữa thủ trưởng - nhân viên (môi trường công sở)*

(8) *Sir, could we start the meeting now?*

Yes, please. [14, 88]

Trong môi trường công sở, mối quan hệ giữa thủ trưởng và nhân viên, giữa cấp trên và cấp dưới là mối quan hệ thể hiện rõ vị thế xã hội, vị thế quyền lực giữa các vai

giao tiếp.

Người thủ trưởng là người có vị thế xã hội cao hơn người nhân viên, do đó các hành vi xin phép thường được người nói (nhân viên) biểu hiện bằng phương thức gián tiếp với mục đích là tôn vinh thể diện của người nghe (thủ trưởng) để có thể nhận được sự hồi đáp tích cực từ phía người nghe như trong ví dụ (8).

(9) *Could I possibly take the day off tomorrow?*

Tomorrow?

Yes, would that be Okay?

Certainly if you want to take the day off tomorrow, it's fine with me. [10, 125]

Cuộc hội thoại gồm có 2 cặp thoại với cặp thoại trung tâm có hành vi chủ hướng là xin phép. Cặp thoại thứ nhất gồm tham thoại dẫn nhập có hành vi chủ hướng là xin phép “*Could I possibly take the day off tomorrow?*”, tham thoại hồi đáp có hành vi chủ hướng là trả lời, đây là tham thoại hồi đáp tích cực “*Certainly if you want to take the day off tomorrow, it's fine with me*”. Tuy nhiên, giữa tham thoại dẫn nhập và tham thoại hồi đáp đã xuất hiện một cặp thoại chêm xen, “*Tomorrow?*” và “*Yes, would that be Okay?*” với mục đích là khẳng định lại thời gian xin nghỉ của người nhân viên trước khi đưa ra một hồi đáp tích cực, cho phép người nhân viên nghỉ làm vào ngày mai.

Như vậy, với các môi trường giao tiếp khác nhau và trong các mối quan hệ xã hội khác nhau, quan hệ mẹ - con trong gia đình, quan hệ thầy - trò trong nhà trường, quan hệ thủ trưởng - nhân viên trong công sở và quan hệ bạn bè, người Việt Nam đều có xu hướng sử dụng các phương thức biểu hiện trực tiếp khi thực hiện các hành vi xin phép và hồi đáp.

Bảng 1. Quan hệ xã hội với các phương thức biểu hiện trong tiếng Anh

Quan hệ xã hội	Phương thức biểu hiện	Phương tiện ngôn ngữ
1. Bố, mẹ - con	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực gián tiếp. 3. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 4. Hành vi xin phép trực tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp.	can, could, may, let
2. Bạn bè	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	may, can, do you mind, could you mind
3. Thầy - trò	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	could, may
4. Sếp - nhân viên	1. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực trực tiếp. 3. Hành vi xin phép gián tiếp - Hỏi đáp tiêu cực gián tiếp.	could, may

Tóm lại, trong bất cứ quan hệ xã hội nào, người bản ngữ cũng có xu hướng sử dụng các phương thức biểu hiện gián tiếp với các trợ động từ tình thái “*can*”, “*could*”, “*may*”. Điều đó là hợp với nét văn hóa của người phương Tây nhất là các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, người phương Tây thích lối nói gián tiếp bởi vì trong tất cả mọi hoàn cảnh giao tiếp, cách nói gián tiếp luôn luôn giữ được hòa khí, giữ được tính lịch sự trong giao tiếp và giữ được thể diện cho cả người nói và người nghe, hay nói một cách

khác là tránh gây tổn thất cho những người tham gia giao tiếp để đạt được mục đích cuối cùng là có những cuộc hội thoại thành công.

2.2. Các nét ngữ dụng liên quan đến hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Việt

2.2.1. Hành vi xin phép và hỏi đáp xét trong mối quan hệ bố, mẹ - con (môi trường gia đình)

(10) Con xin phép mẹ ở lại đằng nhà đến sáng mai.

Mợ xin đến bao giờ?

Bắt mẹ mai....

Được mợ cứ về. [6, 781]

Cuộc hội thoại diễn ra giữa người con dâu và người mẹ chồng gồm có hai cặp thoại; cặp thoại trung tâm có hành vi chủ hướng là xin phép "*Con xin phép mẹ ở lại đằng nhà đến sáng mai*". Cặp chêm xen có mục đích giải thích lý do và thời gian xin phép của người con dâu để từ đó có được hành vi hồi đáp tích cực của người mẹ chồng "*Được mợ cứ về*".

Trong cuộc sống của người Việt Nam, quan hệ giữa mẹ - con là mối quan hệ gia đình nhưng trong tình huống này người con đã tỏ ra lễ phép, dè dặt khi thực hiện hành vi xin phép của mình, cách sử dụng động từ ngữ vi "*xin phép*", của người con đã thể hiện được sự tôn trọng, lễ phép với người mẹ chồng.

Phần lớn các cặp thoại xin phép và hồi đáp xét trong mối quan hệ giữa mẹ - con qua nguồn ngữ liệu văn chương đều sử dụng phương thức xin phép trực tiếp và hồi đáp tích cực và tiêu cực trực tiếp với các động từ "*xin phép*", "*cho phép*", "*cho*". Chỉ có một vài trường hợp sử dụng phương thức hồi đáp tiêu cực gián tiếp khi người mẹ (người nghe) muốn đạt được ý định của mình "*muốn con đi với mẹ*" và đi ngược lại với ý định của người nói (người con) "*con xin phép mẹ cho con ở nhà*" như trong ví dụ (10).

(11) *Con xin phép mẹ cho con ở nhà, vì hôm nay con trót hẹn với chị Xuân có việc.*

Nhưng con không đi với mẹ thì mẹ không vui. [6, 985]

2.2.2. *Hành vi xin phép và hồi đáp xét trong mối quan hệ bạn bè*

(12) *A: Lâu quá mới gặp lại cậu đấy. Khỏe không?*

B: Ô, lâu quá rồi nhỉ, cũng vẫn thế, còn cậu?

A: Mình vẫn bình thường, à mà tiện đây mình muốn cậu cho mình mượn chiếc xe máy của cậu nữa ngày nhé.

B: Được thôi, để mình xem, nhưng mình chỉ có thể cho cậu mượn tối đa 3 tiếng thôi. Chiều nay mình có việc phải dùng đến nó mà, cậu thông cảm nhé.

B: Ô, vậy là tốt quá rồi. Vậy 11h tớ trả lại cho cậu nhé.

A: Nhất trí, chìa khoá và giấy tờ đây.

B: Ôi, cảm ơn cậu. Cậu tuyệt thật đấy.

A: Thôi, đừng có khách khí nữa. Hẹn gặp cậu trưa nay.

B: Tạm biệt. [5, 54]

Cuộc thoại hay sự kiện lời nói xin phép trong ví dụ (12) với tham thoại trung tâm có hành vi chủ hướng là mượn nhưng lại có hàm ý xin phép. Cặp thoại thứ nhất gồm tham thoại dẫn nhập có hành vi chủ hướng là chào hỏi "*Lâu quá mới gặp lại cậu đấy. Khỏe không?*". Cặp thoại thứ hai gồm tham thoại dẫn nhập có hành vi chủ hướng là xin phép "*À mà tiện đây mình muốn cậu cho mình mượn chiếc xe máy của cậu nữa ngày nhé*", tham thoại hồi đáp có hành vi chủ hướng là trả lời, đây là tham thoại hồi đáp tích cực "*Được thôi, để mình xem, nhưng mình chỉ có thể cho cậu mượn tối đa 3 tiếng thôi*".

Cuộc thoại xảy ra giữa hai người bạn lâu ngày mới gặp nhau, do đó cả hai người đều sử dụng những phương thức biểu hiện gián tiếp hành vi xin phép và hồi đáp lịch sự, nhằm giữ thể diện và để duy trì cuộc thoại giữa hai người.

Với quan hệ bạn bè, hay quan hệ đồng nghiệp, xét về quan hệ tuổi tác có thể ngang bằng hoặc lớn hơn, nhưng có địa vị xã hội như nhau, phương thức biểu hiện trực tiếp

và hồi đáp tích cực trực tiếp, phương thức biểu hiện trực tiếp và hồi đáp tiêu cực gián tiếp được sử dụng khá thường xuyên, chủ yếu là động từ "xin phép", "cho" để thực hiện các hành vi xin phép.

(13) *Xin phép các bạn mình về trước đây.*

Vâng, anh thông cảm nhé, chúng tôi đang dở câu chuyện.

Không sao đâu, các anh cứ tự nhiên.
[4, 11]

2.2.3. *Hành vi xin phép và hồi đáp xét trong mối quan hệ thầy - trò (môi trường trường học)*

(14) *Thưa thầy, thầy cho con ra để mẹ con hỏi.*

Thầy giáo tôi đang mãi xem cuốn sách gắt:

Không đi đâu cả, ngồi đấy. [3, 144]

Cuộc thoại hay sự kiện lời nói xin phép trong ví dụ (14) diễn ra trong ngữ cảnh của một lớp học, vị thế giao tiếp của người thầy rõ ràng là cao hơn người học sinh. Người học sinh đã sử dụng từ kính ngữ "thưa thầy" trước khi thực hiện hành vi xin phép "thầy cho con ra để mẹ con hỏi" để nhằm tôn vinh thể diện và sự tôn trọng của mình đối với người thầy đồng thời để tăng tính thuyết phục của phát ngôn, tuy nhiên người học sinh lại nhận được sự hồi đáp tiêu cực từ người thầy "Không đi đâu cả, ngồi đấy".

(15) *Thưa thầy, thầy cho phép bạn Lan nghỉ học sáng mai ạ.*

Có chuyện gì xảy ra với Lan à?

Dạ, mẹ bạn ấy bị ốm ạ. [5, 45]

Như vậy, có thể nói người thầy có một vị thế xã hội nhất định trong môi trường trường học ở Việt Nam, người thầy luôn luôn được kính trọng và tôn vinh, do đó trong hầu hết các tình huống giao tiếp giữa thầy, cô với học sinh đều có khoảng cách xã hội nhất

định, phương thức biểu hiện trực tiếp có sử dụng các từ kính ngữ và hồi đáp tích cực trực tiếp và tiêu cực gián tiếp thường được sử dụng trong mối quan hệ này.

2.2.4. *Hành vi xin phép và hồi đáp xét trong mối quan hệ giữa thủ trưởng - nhân viên (môi trường công sở)*

(16) *Tiện có chuyển xe cơ quan vào Vinh, xin phép thủ trưởng cho em về thăm nhà.*

Công việc cơ quan độ này nhiều, cậu để hôm khác hãy về. [2, 111]

(17) *Xin phép thủ trưởng cho tôi được miễn nói thêm câu chuyện riêng tư này.*

Trời ơi, lại thế nữa. Rồi cuộc sống của cậu sẽ đi đến đâu. [1, 72]

Người thủ trưởng như trong ví dụ (16) và (17) là người có vị thế xã hội cao hơn người nhân viên, do đó các hành vi xin phép thường được người nói (nhân viên) biểu hiện bằng phương thức trực tiếp với động từ ngôn hành "xin phép", "xin phép thủ trưởng cho em về thăm nhà" trong ví dụ (16) và "Xin phép thủ trưởng cho tôi được miễn nói thêm câu chuyện riêng tư này" như trong ví dụ (17) với mục đích là tăng tính lịch sự cho cuộc thoại, đề cao thể diện của người nghe (thủ trưởng). Hành vi hồi đáp của người thủ trưởng trong các ví dụ (16) và (17) là các hồi đáp tiêu cực, không cho phép người nhân viên thực hiện hành vi xin phép. Tuy nhiên, để không làm mất thể diện của người nhân viên, người thủ trưởng đã sử dụng phương thức hồi đáp gián tiếp "Công việc cơ quan độ này nhiều, cậu để hôm khác hãy về." ở ví dụ (16) và "Trời ơi, lại thế nữa. Rồi cuộc sống của cậu sẽ đi đến đâu." như trong ví dụ (17).

Như vậy, có thể khẳng định trong môi trường công sở, mối quan hệ giữa thủ trưởng và nhân viên, giữa cấp trên và cấp dưới xét

theo mối quan hệ dọc là mối quan hệ thể hiện rõ vị thế xã hội, vị thế quyền lực giữa các vai giao tiếp. Do đó, trong những tình huống xét trong mối quan hệ này, xuất hiện khá nhiều

các trường hợp sử dụng phương thức xin phép trực tiếp với các động từ "*xin phép*", "*xin...cho*" và hồi đáp tích cực trực tiếp hay hồi đáp tiêu cực gián tiếp.

Bảng 2. Quan hệ xã hội với các phương thức biểu hiện trong tiếng Việt

Quan hệ xã hội	Phương thức biểu hiện	Phương tiện ngôn ngữ
1. Bố, mẹ - con	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp. 3. Hành vi xin phép gián tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp.	cho, cho phép, xin phép
2. Bạn bè	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp.	cho, cho phép
3. Thầy - trò	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực gián tiếp.	cho, xin phép, cho phép
4. Sếp - nhân viên	1. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tích cực trực tiếp. 2. Hành vi xin phép trực tiếp - Hồi đáp tiêu cực trực tiếp.	cho, xin phép, cho phép

3. KẾT LUẬN

Hành vi ngôn ngữ xin phép và hồi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt đã được giới ngôn ngữ học quan tâm và đã có không ít những nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ này. Nghiên cứu về hành vi xin phép và hồi đáp luôn được đặt trong mối quan hệ với ngôn ngữ học xã hội, gắn liền với những đặc điểm văn hóa và cách ứng xử của người bản ngữ và người Việt. Nghiên cứu đã giải quyết được nhiều vấn đề liên quan đến hành vi xin phép và hồi đáp, một mặt để minh chứng cho lý thuyết về hành vi ngôn ngữ,

đồng thời bổ sung thêm những nhận xét từ đời sống ngôn ngữ thực tiễn của người bản ngữ và người Việt là một mối quan hệ có tôn ti, thứ bậc, người Việt Nam và người bản ngữ thường sử dụng các phương thức gián tiếp, trong môi trường công sở, người Việt Nam có xu hướng sử dụng các phương thức trực tiếp, người bản ngữ có xu hướng sử dụng các phương thức gián tiếp nhiều hơn là các phương thức trực tiếp và trong môi trường gia đình với quan hệ huyết thống, quan hệ cha - con, mẹ - con, người Việt Nam quan niệm rằng các phương thức biểu

hiện trực tiếp sẽ mang lại hiệu quả giao tiếp cao, không mang tính khách sáo, rào đón và qua đó giữ được hòa khí trong gia đình, người bản ngữ ngược lại thích sử dụng các phương thức gián tiếp nhiều hơn là các

phương thức trực tiếp, đặc biệt là trong các giao tiếp hàng ngày có sử dụng hành vi ngôn ngữ như hành vi mời, hành vi xin lỗi, hành vi yêu cầu, hành vi xin phép, người bản ngữ luôn đề cao lịch sự âm tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Nam Cao (1996), *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Hội nhà văn.
- [2] Đỗ Hữu Châu (2010), *Đại cương Ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Vũ Tiến Dũng (2003), *Lịch sử trong tiếng Việt và giới tính (qua một số hành động nói)*, Luận án tiến sĩ ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Mai Hoa (2007), *A study on the syntactic and pragmatic features of permitting in English and in Vietnamese*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại Ngữ Đà Nẵng.
- [6] Đào Nguyên Phúc (2004), *Sự kiện lời nói xin phép trong giao tiếp*, Nxb Lao động.
- [7] Nguyễn Công Hoan (2009), *Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan chọn lọc Tập 2*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Khắc Trường (1990), *Mảnh đất*

lắm người nhiều ma, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh:

- [9] Judy Astley (1995), *Pleasant Vices*, Black Swan.
- [10] David Bolton (1989), *Intensive English Course*, Oxford University Press.
- [11] John Eastwood (1999), *Oxford English Grammar*, Oxford University Press.
- [12] Liz and John Soars (2004), *New Headway Intermediate*, Oxford University Press.
- [13] Soehartono, & Sianne (2003), *A Study of asking for permission expressions produced by the Chinese and Japanese students of SMU Kristen. Petra3, Surabaya*. Retrieved December4, 2010, from <http://repository.petra.ac.id/2579/>
- [14] Vanderveken, D. (1990), *Meaning and Speech Acts: Principles of language Use*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [15] <https://www.englishforums.com/English/SentencesGrandPermissionRefusal/qdclj/post.htm>

Liên hệ:

TS. Nguyễn Thị Mai Hoa

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Email: maihoanguyenqbuni@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/02/2022

Ngày gửi phản biện: 26/02/2022

Ngày duyệt đăng: 30/5/2022